

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2019

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ - TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Tuyết Ngân và Ông Bùi Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1971.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị B trình bày:

Bà và ông Bùi Văn H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục sau đó về chung sống cùng nhau vào cuối năm 1987 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống tình cảm hòa thuận được **một thời gian** sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường đánh, cãi và xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng kéo dài đến tháng 3 năm 2018 bà và ông H đã sống xa nhau. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và các con khuyên bảo để hàn gắn tình cảm nhưng do không còn tình cảm với ông H vì mâu thuẫn giữa hai người không thể hàn gắn, không thể quay về tiếp tục cuộc sống chung với ông H, nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có 03 người con chung là Bùi Văn K, sinh năm 1990; Bùi Văn Vinh, sinh năm 1993; Bùi Văn H1, sinh ngày 04/7/2000. Các con của Bà đã thành niên và không có khiếm khuyết về sức khỏe, tinh thần nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ việc quan điểm của bị đơn thể hiện:

Vào ngày 26 tháng 10 năm 1987 hai người được gia đình tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống tình cảm vợ chồng bình thường cùng nhau làm ăn, sinh con đẻ cái, thỉnh thoảng giữa hai người cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng. Đến tháng 3 năm 2018, bà B đi Móng Cái làm ăn nhưng ít về nhà. Ông và bà B không sống cùng nhau từ thời điểm đó cho đến nay. Thỉnh thoảng khi gia đình có việc bà B có về nhà nhưng xong việc lại đi Móng Cái làm ăn. Khi bà B có ý định ly hôn, không muốn chung sống, ông và các con nhiều lần khuyên bảo bà B rút đơn kiện để vợ chồng quay về chung sống, lo cho con cháu nhưng bà B không đồng ý. Nay bà B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà B không phải là vợ chồng, ông không đồng ý mà muốn bà B quay về chung sống.

Về con chung: Ông và bà B có 3 con chung như bà B đã trình bày là đúng. Các con chung đã thành niên và khỏe mạnh bình thường do không đồng ý ly hôn nên ông có ý kiến gì.

Về tài sản và khoản nợ chung: Do không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nên không có ý kiến .

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn trong vụ án này đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B và không công nhận bà Phạm Thị B và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Phạm Thị B và ông Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, bà B có đơn yêu cầu

Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H. Đây là vụ án “Tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau từ cuối năm 1987. Do các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 đối với việc giải quyết trường hợp nam nữ chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn có yêu cầu ly hôn là phù hợp với nhau, vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Xét nội dung vụ án:

Về tình cảm: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn thì từ cuối năm 1987 đến nay, bà B và ông H chung sống với nhau tự nguyện và đã có ba người con chung nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ông bà hòa thuận khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống ông H và bà B thường cãi vã nhau, hai người đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2018. Mặc dù ông H nhiều lần thuyết phục bà B trở về chung sống để hàn gắn tình cảm, lo cho con cháu nhưng bà B không đồng ý vì thấy không thể tiếp tục sống chung với ông H. Ông H không đồng ý yêu cầu của bà B và cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà B.

Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2019 ông Đặng Văn C trưởng thôn nơi ông H bà B sinh sống cho biết ông H và bà B chung sống với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng ông H và bà B từ năm 2013 đến nay không được hòa thuận như những vợ chồng khác và sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 đến nay.

Biên bản xác minh ngày 04/4/2019, ông Phạm Văn Đ là cán bộ Tư pháp hộ tịch xã Q huyện Đàm Hà xác nhận ông Bùi Văn H và bà Phạm Thị B có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tân Hòa, xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà đã chung sống với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019, anh Bùi Văn Vinh là con chung của ông H bà B thể hiện lúc còn sống chung cùng bố mẹ là ông H và bà B thấy bố mẹ thỉnh thoảng cãi nhau nhưng theo anh mâu thuẫn chưa nghiêm trọng, nhưng từ tháng 3/2018 mẹ anh đi làm ăn ở Móng Cái nên hai người không sống chung với nhau và chỉ khi có việc gia đình thì mẹ anh mới về, xong việc lại đi ngay. Nay anh đã có gia đình và ra ở riêng nên anh không can thiệp.

Như vậy, việc bà B và ông H chung sống với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Tình cảm giữa ông H và bà B đã có mâu thuẫn kéo dài từ 2013 và đã sống ly

thân nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay, mục đích chung sống không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu không công nhận bà B và ông H là vợ chồng là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà B và ông H có 03 người con chung nhưng các con của ông bà đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ chung: Nguyên đơn Phạm Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như ông H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; **khoản 1 Điều 227** của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về không công nhận quan hệ vợ chồng.

1. Về Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị B và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005416 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Dương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Hoàng Việt Thành
(đã ký)**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Việt Thành

